TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 40/2021/DSST Ngày: 28/4/2021 "*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị My My

- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Hồ Xuân Giao

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa***: Bà Đinh Thị Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số T, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968 – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số T, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ Quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ, Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Số B, đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Ngân Xuân T – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số B, đường N, thành phố B. tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ H - Sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Kim H - Sinh năm: 1987

Địa chỉ cư trú: Thôn I, xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và lời khai của người được ủy quyền lại, ông Ngân Xuân T khai:***

Ngày 25/04/2017, ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H có ký Hợp đồng số 12996598/DAK/HĐTD với Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh Đắk Lắk để vay số tiền 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng)**,** thời hạn vay là 72 tháng và trả nợ gốc, nợ lãi theo kỳ, mỗi kỳ trả vào ngày 25 hàng tháng; mục đích sử dụng vốn vay mua xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, mới 100%; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô pickup cabin kép, nhãn hiệu Nissan, số loại: Navara, biển số 47C-158.29, số khung 4D23Z0020139, số máy YD25694860T, thuộc quyền sở hữu của ông Võ H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028201 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/04/2017. Đăng ký giao dịch bảo đảm số 1246911829 ngày 26/04/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Đà Nẵng. Sau khi vay ông H, bà H đã thanh toán được 6 kỳ nợ gốc và lãi thanh toán nợ gốc 52.086.000 đồng, thanh toán nợ lãi 31.453.125 đồng. Sau ngày 25/10/2017 ông H, bà H thanh toán được thêm 9.166.236 đồng. Tạm tính đến ngày 29/08/2019, dư nợ của ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H nợ gốc: 572.914.000 đồng; nợ lãi: 156.415.609 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 136.143.464 đồng, lãi quá hạn là 20.272.145 đồng). Tổng cộng nợ cả tiền gốc và tiền lãi: 729.329.609 đồng (Bảy trăm hai mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ chín đồng).

Ngày 08/04/2017, Ngân hàng TMCP V– Chi nhánh Đắk Lắk có cho ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay tín chấp ngày 8/4/2017 theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản đảm bảo, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay 20%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 29/08/2019, dư nợ của công Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H, nợ gốc: 26.970.145 đồng; nợ lãi: 28.940.985 đồng. Tổng cộng: 55.911.130 đồng (Năm mươi lăm triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm ba mươi đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ các kỳ trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/10/2017. Ngân hàng đã tạo điều kiện để ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H trả nợ nhưng đến nay không có kết quả, có biểu hiện trốn tránh kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã gửi thông báo thu hồi toàn bộ khoản nợ và yêu cầu bàn giao tài sản để xử lý nhưng ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H vẫn không hợp tác.

Tạm tính đến ngày 29/08/2019, tổng dư nợ của ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H tại Ngân hàng TMCP V theo các Hợp đồng tín dụng trên như sau: Nợ gốc: 599.884.145 đồng; nợ lãi: 185.356.594 đồng. Tổng cộng: 785.240.739 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng). Buộc ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP V sau khi án có hiệu lực pháp luật số nợ tạm tính đến ngày 29/08/2019 là 785.240.739 đồng *(Bảy trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng).* Trong đó nợ gốc 599.884.145 đồng và nợ lãi là 185.356.594 đồng.

Ngoài ra, ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng trên từ ngày 30/08/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 chiếc xe ô tô pickup cabin kép, nhãn hiệu NISSAN, số loại: NAVARA, biển số 47C–158.29, số khung 4D23Z0020139, số máy YD25694860T, thuộc quyền sở hữu của ông Võ H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028201 do Phòng CSGT tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 25/04/2017, để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H chưa trả hết nợ thì vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

**** Bị đơn:***

- Ông Võ H khai:

Tôi và cô Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1987 có quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Hiện chúng tôi vẫn là vợ chồng.

Vào năm 2018, vợ chồng tôi có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, chi nhánh Đắk Lắk hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD để vay số tiền 625.000.000 đồng, mục đích vay để mua ô tô bán tải, hiệu Nissan. Thời hạn vay là 06 năm, phương thức trả nợ là trả góp từng tháng. Khi vay vợ, chồng tôi vay theo hình thức thế chấp xe cho ngân hàng, hiện tại giấy tờ gốc của xe do ngân hàng giữ. Nay tôi xác định còn nợ ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đắk Lắk số tiền nợ là

729.329.609 đồng, trong đó nợ gốc là 572.914.000 đồng và nợ lãi đến ngày 29/8/2019 là 156.415.609 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Ngoài ra vợ chồng tôi còn nợ khoản vay tín chấp còn nợ Ngân hàng số tiền là 26.970.145 đồng và lãi suất theo hợp đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi thanh toán 2 khoản nợ nói trên, tôi đồng ý với số nợ mà ngân hàng yêu cầu thanh toán. Về thời gian trả nợ thì tôi đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho tôi chấp hành án tù (02 năm), sau khi chấp hành án xong tôi sẽ tìm nguồn trả nợ. Nếu không trả được nợ tôi đồng ý cho ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Hiện tại tôi đang chấp hành án tại trại giam Đ nên không có điều kiện để tham gia tố tụng tại tòa án. Vì vậy tôi đề nghị tòa xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Tôi cam kết không khiếu nại gì.

- Bà Nguyễn Thị Kim H khai:

Tôi là bị đơn trong vụ việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V. Vụ việc đang được tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết. Hiện tôi đang nằm viện để điều trị bệnh nên không thể tới Tòa án để tham gia giải quyết vụ việc được. Tôi xin trình bày với Tòa như sau: Tôi đứng ra ký và ghi rõ họ tên của mình là Nguyễn Thị Kim H là do ông Võ H yêu cầu tôi ký để hợp pháp hóa giấy tờ, lúc ấy tôi với ông H vẫn còn là vợ chồng. Thực ra tôi cũng không biết số tiền ông H vay là bao nhiêu và cũng không nhận được tiền từ khoản tiền đó. Tôi và ông H đã ra tòa ly hôn vào ngày 31/05/2018. Vì vậy tôi không còn liên quan đến công việc gì của ông H nữa. Tôi viết đơn này kính mong Tòa xét xử vắng mặt tôi.

Tôi cam đoan sẽ không có bất kì ý kiến gì khi tòa giải quyết vụ án trên. Tôi xin chân thành cảm ơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn ông Võ H vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần V sau khi án có hiệu lực pháp luật số nợ tạm tính đến ngày 29/08/2019 là 785.240.739

đồng *(Bảy trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng).* Trong đó nợ gốc 599.884.145 đồng và nợ lãi là 185.356.594 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, Đối với khoản nợ thẻ tín dụng, nợ gốc: 26.970.145 đồng; nợ lãi: 28.940.985 đồng. Tổng cộng: 55.911.130 đồng (*Năm mươi lăm triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm ba mươi đồng)*. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Võ H phải trả khoản nợ này và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và lời khai của các bị đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định ngày 25/04/2017, ông Võ H, bà Nguyễn Thị Kim H có vay của Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Đắk Lắk số tiền 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày 25/04/2017 đến ngày 25/04/2021, có phân kỳ trả nợ, ngày đến hạn trả nợ của kỳ đầu tiên là ngày 25/5/2021, mục đích sử dụng vốn vay mua xe ô tô nhãn hiệu Nissan Navara, mới 100%, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.9%/năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 được đảm bảo bằng đăng ký giao dịch bảo đảm số 1246911829 ngày 26/04/2017 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Đ. Tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô pickup cabin kép, nhãn hiệu Nissan, số loại: Navara, biển số 47C-158.29, số khung 4D23Z0020139, số máy YD25694860T, thuộc quyền sở hữu của ông Võ H theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028201 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/04/2017.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2020, bà H khai: Bà H thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay tài sản nói trên, do ông H bảo bà H ký vào hợp đồng vay thì bà H ký, bà H không sử dụng số tiền vay và cũng không biết vay tiền để làm gì vì ông H là người sử dụng số tiền vay. Bà H cho rằng bà H không trực tiếp ký vào hợp đồng thế chấp tài sản, bà H không biết gì tài sản thế chấp và hiện tài sản thế chấp do ai quản lý bà H không biết nên trách nhiệm trả nợ thuộc về ông H. Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn khẳng định chữ ký và chữ viết, dấu vân tay trong hợp đồng thế chấp số 12996598/DAK/HĐTC ngày 25/4/017 là của bà Nguyễn Thị Kim H. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm số 1246911829 ngày 26/04/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Đà Nẵng nên việc bà H cho rằng bà H không ký vào hợp đồng thế chấp tài sản là vô lý. Nên xác định ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ trả nợ vay theo Hợp đồng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 là có căn cứ.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Võ H ngày 17/12/2020, ông Võ H khai: Ông H đồng ý trả khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và ông H xin

thời gian trả nợ là sau khi ông H chấp hành xong hình phạt tù, ông H sẽ tìm nguồn trả nợ. Nhưng về phía Ngân hàng không đồng ý theo yêu cầu của ông H.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ngày 25/10/2017 ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi 131.338.714 đồng. Đến hạn trả nợ lãi và kỳ trả nợ gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 đến kỳ trả nợ tiếp theo ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H không thanh toán nợ gốc cũng như nợ lãi cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 572.914.000 đồng; nợ lãi 156.415.609 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 136.143.464 đồng, lãi quá hạn là 20.272.145 đồng), tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng. Tại phiên tòa, Ngân hàng xác định, khoản vay thẻ tín dụng được cấp cho cá nhân ông Võ H và chỉ yêu cầu ông Võ H phải trả khoản nợ thẻ này mà không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả. Do đó cần buộc ông Võ H phải trả cho Ngân hàng khoản nợ thẻ là: 55.911.130 đồng (Trong đó nợ tiền gốc là 26.970.145 đồng; nợ lãi: 28.940.985 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019).

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H đã ly hôn theo Quyết định ly hôn số 227/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Do đó, cần buộc ông Võ H phải trả số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 số tiền nợ gốc là: 286.457.000 đồng và số tiền nợ lãi là 78.207.805 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019). Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017. Số tiền nợ gốc là: 286.457.000 đồng và số tiền nợ lãi là 78.207.804 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019).

Sau khi ông H, bà H trả xong toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho ông Võ H, bà Nguyễn Thị Kim H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028201 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/04/2017 mang tên Võ H.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Võ H, bà Nguyễn Thị Kim H không thanh toán số nợ trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP V thì tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp được phát mãi để trả nợ cho Ngân hàng TMCP V.

- **Về án phí***:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ H, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V Buộc ông Võ H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 với số tiền là 364.664.805 đồng (Trong đó tiền nợ gốc 286.457.000 đồng và tiền nợ lãi là 78.207.805 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019).

Buộc ông Võ H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ theo hợp đồng cho vay tín chấp ngày 8/4/2017 theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo, đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản đảm bảo, tiền nợ gốc: 26.970.145 đồng; nợ lãi: 28.940.985 đồng(tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019).

Tổng cộng buộc ông Võ H phải trả Ngân hàng TMCP V khoản nợ của cả hai hợp đồng là: 420.575.935 đồng

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 là tiền nợ gốc: 286.457.000đồng và tiền nợ lãi là 78.207.804 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 29/8/2019). Tổng cộng: 364.664.804 đồng.

Ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H phải tiếp tục chịu lãi suất của khoản nợ gốc nêu trên theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 kể từ ngày 30/8/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Khi ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H trả xong nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng số 12996598/DAK/HĐTD ngày 25/04/2017 thì Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm trả cho ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028201 do Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/04/2017 mang tên Võ H.

Trong trường hợp ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố B phát mãi tài sản thế chấp của ông Võ H và bà Nguyễn Thị Kim H để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản thế chấp gồm: 01 chiếc xe ô tô pickup cabin kép, nhãn hiệu NISSAN, số loại: NAVARA, biển số 47C–158.29, số khung 4D23Z0020139,

số máy YD25694860T, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 028201 do Phòng CSGT tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/04/2017 mang tên Võ H.

Về án phí: Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 17.704.000 mà Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0004888 ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Võ H phải chịu: 20.823.038 đồng án phí dân sự sơ thẩm (làm tròn)

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu: 18.233.241 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Làm tròn)

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
-VKSND TP.BMT;
- CCTHADSTP.B;
-Các đương sự ;
-Lưu: HS, VP .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My